

NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC, TỰ NGHIÊN CỨU CHO SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

Phan Nam Thái, Hoàng Thanh Thúy
Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng

Tóm tắt: Hiện trạng hoạt động tự học của sinh viên khoa Giáo dục thể chất, Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng vẫn còn mang tính hình thức, mang tính đối đầu. Bài viết phân tích thực trạng và các yếu tố tác động đến năng lực tự học, tự nghiên cứu của sinh viên khoa Giáo dục thể chất, Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng. Từ đó, đưa ra các khuyến nghị nhằm nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

Từ khóa: Tự học, năng lực, tự nghiên cứu.

IMPROVING SELF-STUDY AND RESEARCH CAPACITY OF STUDENTS OF THE FACULTY OF PHYSICAL EDUCATION, DANANG UNIVERSITY OF PHYSICAL EDUCATION AND SPORTS

Phan Nam Thai, Hoang Thanh Thuy
Da Nang University of Sports and Physical Education

Abstract: The current state of self-study activities of students of the Department of Physical Education at Da Nang University of Physical Education and Sports is still formal and confrontational. This article analyzes the current situation and factors affecting the self-study and self-research capacity of students of the physical education department at Da Nang University of Sports and Physical Education. From there, recommendations are made to improve students' self-study and self-research capacity.

Keywords: Self learning, capacity, self-study

Nhận bài: 13/04/2025

Phản biện: 13/05/2025

Duyệt đăng: 17/05/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, xã hội đặt ra yêu cầu cho giáo dục và đào tạo ngày càng khắt khe, đòi hỏi các trường đại học, cao đẳng không chỉ đào tạo ra nguồn nhân lực thông thạo về lý thuyết mà còn phải biết vận dụng, ứng dụng những kiến thức đó vào thực tiễn đời sống. Để đáp ứng yêu cầu đó, các trường đại học, cao đẳng đã phát động đổi mới phương pháp học tập. Tuy đội ngũ giảng viên (GV) đã ứng dụng phương pháp dạy học mới nhưng những chuyển biến về chất lượng trong giờ dạy chưa thực sự có kết quả cao. Bởi sinh viên (SV) quen với việc thụ động trong tiếp nhận thông tin, kiến thức. Trong bài giảng của GV đều có phần định hướng, tổ chức tự học cho SV nhưng nhiều khi SV chỉ thực hiện một cách sơ sài, chiếu lệ. Để thúc đẩy ý thức của hoạt động tự học cần phải có sự quan tâm quản lý sát sao của mọi người liên quan đến hoạt động tự học của SV. Trong đó việc đổi mới phương thức tổ chức dạy học của giáo viên, cơ sở vật chất, điều kiện phục vụ và nâng cao ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm của SV trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập đóng một vai trò hết sức quan trọng. Bài báo phân tích thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực tự học, tự nghiên cứu của SV khoa giáo dục thể chất trường đại học thể dục thể thao

Đà Nẵng. Từ đó đưa ra các kiến nghị nhằm nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu cho SV.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm năng lực tự học

Theo Lê Khánh Bằng (1998) "Tự học là tự mình suy nghĩ, sử dụng các năng lực trí tuệ, các phẩm chất tâm lý để chiếm lĩnh một lĩnh vực khoa học nhất định". Có thể nói, tự học là một hoạt động độc lập, tự giác, chủ động, sáng tạo trong việc tự suy nghĩ, khám phá, nghiên cứu nhằm nắm bắt, trau dồi, nâng cao tri thức và kỹ năng từ nhiều nguồn khác nhau, biến nó thành sở hữu của chính bản thân người học.

Năng lực được hiểu là khả năng sử dụng kiến thức, vận dụng kỹ năng với những phẩm chất cần thiết để giải quyết hiệu quả một vấn đề hoặc hoàn thành một hoạt động nào đó với chất lượng cao. Như vậy, có thể hiểu khái niệm "năng lực tự học" là khả năng tư duy, sử dụng kiến thức, vận dụng kỹ năng và những phẩm chất cần thiết để chiếm lĩnh tri thức, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

2.2. Thực trạng năng lực tự học của SV khoa GDTC Trường Đại học TDTT Đà Nẵng

Hoạt động tự học của SV là hoạt động tự giác tích cực chủ động sáng tạo dưới sự hướng dẫn

gián tiếp của GV nhằm chiếm lĩnh những tri thức khoa học bằng hành động của bản thân và đạt được mục tiêu của giáo dục đào tạo. Hoạt động tự học là một hoạt động tìm ra ý nghĩa làm chủ kỹ xảo nhận thức, tạo ra cầu nối nhận thức trong tình huống học tập, tự biến đổi mình tự làm phong phú mình bằng cách thu lượm và xử lý thông tin từ môi trường sống xung quanh mình. Tự tìm kiếm thức bằng hành động của chính mình, cá nhân hóa việc học tập đồng thời hợp tác với bạn bè trong cuộc sống cộng đồng lớp học dưới sự hướng dẫn của thầy cô. Tự học của SV với tư cách là một hoạt động nên nó có đặc điểm và cấu trúc của hoạt động nói chung. Nó được thúc đẩy bởi động cơ và hướng tới mục đích với đối tượng cụ thể đồng thời được thực hiện thông qua hành động cụ thể bằng những thao tác trí tuệ linh hoạt, sáng tạo trong những điều kiện hoàn cảnh khác nhau.

Qua quá trình khảo sát thực tiễn dựa trên việc phát phiếu điều tra SV khóa Đại học 14,15 Trường Đại học TDTT Đà Nẵng chúng tôi thấy, đa số SV đều hiểu được vai trò quan trọng của tự học, tự nghiên cứu trong việc phát triển kiến thức, kỹ năng của mình. Có 63,5% SV cho rằng việc tự học rất quan trọng trong chương trình học tập hiện nay. Tuy nhiên, tính thụ động của SV còn rất lớn. Hoạt động tự học vẫn còn mang tính hình thức, đối phó với các bài kiểm tra, bài thi kết thúc học phần. Theo số liệu khảo sát, hầu hết SV được hỏi cho rằng tính chủ động trong học tập của SV còn thấp. Có 76,5% ý kiến cho rằng SV không có thói quen tự học, chuẩn bị bài trước khi lên lớp. Có 26,7% SV dành thời gian 1 đến 2 tiếng đồng hồ trong ngày cho việc tự học. Khi nghe giảng trên lớp, có 83,4% SV chỉ ghi chép ý chính, thụ động theo bài giảng của GV, chủ yếu dựa vào nội dung trong giáo trình hoặc bài giảng in sẵn để theo dõi. Đặc biệt, có 71,7% ý kiến cho rằng máy vi tính, điện thoại, phim ảnh, trò chơi điện tử... chiếm rất nhiều thời gian sinh hoạt hằng ngày, làm SV hạn chế thời gian tự học cũng như gây mất tập trung cho việc tự học. Việc đầu tư tự học để chuẩn bị cho buổi học kế tiếp thường không được quan tâm đúng mức. Ngoài ra, có một bộ phận SV dành quá nhiều thời gian để đi làm thêm như chạy Grab, giao thức ăn, phục vụ quán nhậu... nên thời gian dành cho tự học hầu như không có.

Một thực trạng đáng lo ngại hiện nay là SV chưa tạo cho mình văn hóa đọc, có 82,6% SV

được khảo sát cho rằng có đọc sách nhưng chỉ đọc cuốn giáo trình hoặc bài giảng mà giáo viên đang giảng dạy và một số SV chỉ đọc sách khi phải hoàn thành bài tập nhóm, bài thuyết trình, báo cáo hay bài kiểm tra định kỳ. Còn lại SV không đọc bất cứ giáo trình, tài liệu tham khảo nào liên quan đến bài học hoặc chuyên môn thuộc ngành mình đang theo học. Đặc biệt có những SV chưa từng một lần đến thư viện tìm sách, tài liệu tham khảo phục vụ cho việc phát huy năng lực tự học cũng như tăng năng lực chuyên môn. Trong thời đại công nghệ thông tin như hiện nay, SV thường tìm kiếm thông tin trên mạng, tuy nhiên, lượng thông tin trên internet là quá lớn, đa dạng, nguồn gốc không chính thống nên nếu SV không biết cách xử lý thông tin một cách khoa học thì kiến thức thu về sẽ không có hệ thống và không hiệu quả. Hơn nữa, nếu không đọc sách tham khảo vô tình SV đã bỏ lỡ một kho tàng tri thức rất có giá trị và đáng tin cậy.

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực tự học của SV

2.3.1. Các yếu tố bên trong (từ bản thân SV)

Phần lớn SV xác định đúng vai trò của tự học trong việc phát triển năng lực, kỹ năng nhằm đáp ứng nhu cầu của công việc trong tương lai. Tuy nhiên phương pháp kỹ năng tự học của SV còn nhiều hạn chế, dẫn đến chất lượng hiệu quả của tự học thấp. Ở phổ thông, SV quá quen với cách học truyền thống, chỉ lắng nghe thầy cô giảng sau đó ghi chép cụ thể, chi tiết bài học. SV ít có tư duy phản biện mà thường xem những gì thầy cô dạy là chân lý. Chính cách học này đã ăn sâu vào ý nghĩ các em, khi lên bậc đại học SV vẫn lúng túng trong cách tự học, tự tìm tòi khám phá tri thức. Ngoài ra, 64,3% SV xác nhận rằng bản thân thiếu kiên trì, tự giác, chưa phân bổ thời gian hợp lý cho việc tự học.

2.3.2. Các yếu tố bên ngoài

Khi học theo học chế tín chỉ, số giờ giảng trên lớp của GV giảm đi khá nhiều và thời gian tự học của SV tăng lên gấp đôi. Dù vậy, nhiều GV dạy bậc đại học không yêu cầu SV chuẩn bị bài học cho buổi tiếp theo mà mặc định SV đã biết theo đề cương chi tiết. Tuy nhiên đề cương chi tiết chỉ nêu những nội dung chính và nêu các yêu cầu mang tính chung nhất nên nếu GV không hướng dẫn cụ thể đưa ra yêu cầu rõ ràng thì SV sẽ không đọc, không nghiên cứu bài trước hoặc không biết

ngiên cứu theo hướng nào. Khi trả lời câu hỏi GV có thường xuyên yêu cầu SV tự học không thì chỉ có 27,6% cho rằng tất cả các môn học GV đều yêu cầu SV tự học, có 61,5% trả lời tùy từng môn, có môn có có môn không. Còn về câu hỏi, GV có giới thiệu tài liệu và phương pháp tự học cho SV không thì có 72,4% chọn thỉnh thoảng và có 12,7% chọn “không giới thiệu hay hướng dẫn gì”. Về giáo trình, tài liệu học tập, các môn học thuộc tất cả các chuyên ngành đào tạo đều có giáo trình chính thức. Bên cạnh đó là hệ thống thông tin, thư viện với các giáo trình và sách tham khảo đa dạng, khá đầy đủ. Đánh giá về vấn đề này, có 28,4% SV cho rằng hệ thống tài liệu của trường là đầy đủ đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin của SV, có 58,7% cho rằng hệ thống thông tin thư viện của trường là tương đối đầy đủ.

2.4. Một số giải pháp nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu của SV

2.4.1. Đối với SV

Để nâng cao năng lực tự học, SV cần xác định được mục đích, động cơ, nhu cầu học tập, xây dựng thời gian biểu hợp lý giữa các môn học, địa điểm, thời gian, hình thức tự học...có thể có sự điều chỉnh thời gian biểu trong quá trình tự học nhưng phải có ý chí hoàn thành thời gian biểu đã đặt ra. Có phương pháp học tập khoa học trên lớp, biết đặt ra các câu hỏi mang tính tư duy phản biện trong quá trình nghe thầy cô giảng bài. Biết vận dụng kiến thức tự học và trả lời câu hỏi, giải bài tập, vào chuyên môn và thực tiễn cuộc sống. Đồng thời tạo nhóm tự học, đây là điều kiện cho các thành viên trong nhóm thảo luận, trao đổi, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm tự học cùng nhau.

2.4.2. Đối với GV: GV là nhân tố rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới việc hình thành và phát triển năng lực tự học của SV. Một số nhiệm vụ chính của GV đối với hoạt động tự học của SV như sau:

- Đổi mới hoạt động dạy học: Đi đôi với việc xây dựng đổi mới chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng giáo trình là yêu cầu đổi mới cơ bản phương pháp dạy-học. Định hướng cơ bản trong đổi mới phương pháp giảng dạy theo học chế tín chỉ là tích cực chuyển từ lối truyền đạt kiến thức một chiều từ phía GV sang việc tăng cường tổ chức các hoạt động học tập cho SV, phát huy vai trò tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, bồi dưỡng năng lực tự học, tự nghiên

cứu cho SV. Mỗi GV cần phải đổi mới hoạt động dạy học trên lớp theo hướng để SV có thể tự học: chú trọng thiết kế bài giảng, bài giảng điện tử, tài liệu hỗ trợ dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm.

- Giúp SV nắm được đề cương môn học: Khi bắt đầu một môn học, GV cần giới thiệu và cung cấp cho SV đề cương của môn học đó. Nội dung của đề cương bao gồm: mục đích môn học, mục tiêu môn học, nội dung chi tiết môn học, điều kiện tiên quyết, hình thức tổ chức và phương pháp dạy - học cho từng nội dung môn học, hình thức kiểm tra đánh giá của từng hoạt động học tập. Qua đó, SV chủ động lên kế hoạch tự học, tự nghiên cứu để thực hiện được các mục tiêu của môn học. GV cần tuân thủ theo đúng kế hoạch trong đề cương và yêu cầu SV nghiêm túc thực hiện đề cương này. Đồng thời, để giúp SV thực hiện được nhiệm vụ tự học của mình. GV cần giới thiệu đầy đủ các tài liệu bắt buộc, tài liệu tham khảo, cách thu thập, tra cứu và xử lý thông tin trong tài liệu. Việc chuẩn bị trước một vấn đề khoa học là sự tự giác nỗ lực riêng của bản thân SV phát huy tối đa tính độc lập sáng tạo thông qua việc sưu tầm tư liệu, trình bày thảo luận và bảo vệ quan điểm khoa học của mình.

- Đánh giá hoạt động tự học của SV: GV đánh giá SV trong suốt quá trình môn học thông qua hình thức kiểm tra đa dạng như: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài tập lớn và các bài tập thường xuyên theo tiêu chí trình bày và trình sửa công khai minh bạch, đánh giá đúng năng lực làm bài từng cá nhân. Qua đó hình thành cho SV cách làm việc nghiêm túc, mang tính tích cực và ý chí phấn đấu vươn lên để đạt kết quả cao trong học tập. Khi đánh giá bài thi, bài kiểm tra, không dừng lại ở việc xem xét mức độ thuộc bài của SV mà phải nhìn nhận đánh giá cao sự hiểu biết bản chất vấn đề, năng lực tư duy và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, nhất là những kiến thức mà SV có được nhờ việc tự học, tự nghiên cứu.

2.4.3. Đối với nhà trường và Đoàn thể

Nhà trường cần hoàn thiện phương thức đào tạo theo tín chỉ, tổ chức những hội thảo khoa học, những buổi tọa đàm, trao đổi xoay quanh vấn đề nâng cao năng lực tự học của SV, qua đó giúp SV có thể học hỏi được những phương pháp và kinh nghiệm để vận dụng vào quá trình tự học của bản thân. Đồng thời, tăng cường hỗ trợ SV về mặt tài liệu học tập bằng cách tiếp tục phát triển hệ thống

thư viện đọc và thư viện online với nguồn tài liệu phong phú đáp ứng được nhu cầu học tập của SV, nâng cấp hệ thống trang thiết bị, bảo đảm hệ thống wifi, phòng máy dành cho tra cứu trực tuyến.

Đối với Đoàn Thanh Niên, cần quan tâm giúp SV có được những nhận thức đúng đắn về mục đích học tập, về sự cần thiết phải tăng cường tự học ở bậc đại học. Góp phần định hướng cho SV xây dựng lộ trình học tập hướng tới công việc trong tương lai và đáp ứng yêu cầu xã hội. Tổ chức các hội thảo, các sinh hoạt câu lạc bộ, các buổi trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về các kỹ năng mềm, về kiến thức chuyên môn, phương pháp cũng như kinh nghiệm học tập và nghiên

cứu khoa học từ đó định hướng truyền cảm hứng đến SV qua những tấm gương thành công bằng việc tự học, tự nghiên cứu.

III. KẾT LUẬN

Tự học là yếu tố quyết định chất lượng học tập, chất lượng đào tạo, là con đường nhanh chóng đưa sự nghiệp giáo dục nước ta tiến kịp các nước trong khu vực và trên thế giới. Đồng thời, tự học cũng là hình thức học tập không thể thiếu được của SV đang học tập tại các trường đại học-cao đẳng. Tổ chức hoạt động tự học một cách hợp lý, khoa học, có chất lượng, hiệu quả là trách nhiệm không chỉ ở người học mà còn là sự nghiệp đào tạo của nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lê Khánh Bằng (1993)*Tổ chức quá trình dạy học đại học*. Viện Nghiên cứu Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp
- [2]. Thu Giang, Nguyễn Duy Cần (1971). *Tôi tự học*. NXB Khai Trí
- [3]. Trần Minh Hằng (2011)*Tự học và yếu tố tâm lý cơ bản trong tự học của SV sư phạm*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4]. Kimm S.Y., Glynn N.W., McMahon P., et al (2006). *Self-Perceived barriers to activity participation among sedentary adolescent girls*. Medicine Science & Sports Exercise 38, 534-540.
- [5]. Robbins L.B., Pender N.J., Kazanis A.S. (2003). *Barriers to physical activity perceived by adolescent girls*. Journal of Midwifery Women's Health 48(3), 206-212.